

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PV-INCONESS**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Thôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 – 33



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư PV-INCONESS (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Vinh	Thành viên
Ông Đào Phong Trúc Đại	Thành viên
Ông Lê Độ	Thành viên
Ông Nguyễn Toàn Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Tý	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Thành Luân	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/6/2023)
Bà Phan Hải Sâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/6/2023)
Ông Bạch Quốc Vinh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/6/2023)
Ông Tô Giang Nam	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/6/2023)

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên của Ban Giám đốc trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đào Phong Trúc Đại	Tổng Giám đốc
------------------------	---------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ kèm theo, không có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đào Phong Trúc Đại
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2023

Số: 171/2023/RSMHN-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư PV-INCONESS

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư PV-INCONESS (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 06 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến:

- **Lập lại ý kiến kiểm toán ngoại trừ từ năm 2017 của Kiểm toán viên tiền nhiệm về chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án sân Golf hồ Yên Thắng với giá trị 154.377.904.067 VND; Số dư các khoản trả trước cho người bán số tiền khoảng 31,79 tỷ VND và phải thu khác số tiền khoảng 4,01 tỷ VND được đánh giá không có khả năng thu hồi dẫn đến giá trị khoản dự phòng cần phải trích lập tương ứng; Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn đối với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại Khánh Dương (công ty con) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đồng Thái (công ty liên kết) do chưa được cung cấp báo cáo tài chính;**

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (tiếp)

- Lập lại ý kiến kiểm toán ngoại trừ từ năm 2018, các hạng mục Xây dựng cơ bản dở dang của các dự án bao gồm: Sân Golf hồ Yên Thắng, khu biệt thự 12 ha và Dự án Khu du lịch sinh thái hồ Đồng Thái không có đầy đủ hồ sơ, chứng từ để chứng minh cho tổng giá trị khoảng 245 tỷ VND từ các năm trước như trình bày tại Thuyết minh 4.9 “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”.
- Lập lại ý kiến kiểm toán ngoại trừ từ năm 2018, khoản tăng vốn góp của Công ty từ khoản ký quỹ, ký cược 300 triệu VND không có đủ chứng từ và khoản góp vốn bằng lợi thế thương mại với giá trị 41 tỷ VND như trình bày tại Thuyết minh 4.7 “Chi phí trả trước” trong khi quy định hiện hành chưa cho phép góp vốn bằng lợi thế thương mại. Nếu Công ty thực hiện đúng theo quy định về góp vốn bằng lợi thế thương mại, thì khoản mục “Vốn góp của chủ sở hữu”, “Chi phí trả trước dài hạn” và “(Lỗ) lũy kế” trên Bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2023 sẽ giảm đi tương ứng lần lượt là 41.000.000.000 VND, 21.354.166.679 VND, 19.645.833.321 VND và ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu khác liên quan.

Các vấn đề ngoại trừ trên vẫn tồn tại đến ngày 30/6/2023. Theo đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về tính đúng đắn của những khoản mục này cũng như những ảnh hưởng của chúng tới khoản mục khác được sử dụng như các số liệu so sánh tại ngày 01/01/2023 và các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2023 của Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được trình bày tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

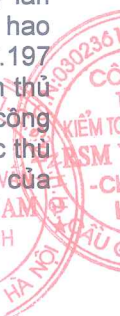
Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến người đọc Thuyết minh số 4.9 “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”, tổng số dư của các hạng mục Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 01/01/2023 và ngày 30/6/2023 của Công ty lần lượt là: 719.529.931.961 VND và 275.168.563.516 VND. Trong kỳ, Công ty đã tạm tăng và trích khấu hao tài sản một số các công trình thuộc dự án sân golf Hồ Yên Thắng với giá trị tạm tăng là 454.583.867.197 VND. Công việc soát xét của chúng tôi không bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm tra việc tuân thủ các quy chế về đầu tư xây dựng cơ bản và không nhằm đưa ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng hoàn thành. Công việc này chỉ được thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng cơ bản hoàn thành. Kết luận của chúng tôi không ảnh hưởng bởi vấn đề trên.



Hoàng Thị Vinh
Giám đốc Kiểm toán
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1678-2023-026-1

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2023



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		162.050.383.937	169.520.819.232
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	35.152.943.053	34.522.053.403
1. Tiền	111		28.032.552.861	34.401.663.211
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.120.390.192	120.390.192
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.345.117.236	84.928.816.700
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	7.520.029.819	12.989.866.997
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	49.386.868.041	58.288.401.391
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	20.335.786.889	14.255.578.307
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(897.567.513)	(897.567.513)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	292.537.518
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	23.546.814.143	21.378.371.169
1. Hàng tồn kho	141		23.546.814.143	21.378.371.169
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.005.509.505	28.691.577.960
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	726.506.304	1.134.995.586
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.12	26.279.003.201	27.556.582.374
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.280.776.768.356	1.256.527.822.734
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		962.687.697.956	502.420.694.110
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	962.101.848.586	501.588.254.278
Nguyên giá	222		1.204.572.069.954	721.108.574.313
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(242.470.221.368)	(219.520.320.035)
2. Tài sản cố định vô hình	227		585.849.370	832.439.832
Nguyên giá	228		1.282.198.270	1.552.598.270
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(696.348.900)	(720.158.438)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		282.178.627.180	719.529.931.961
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	282.178.627.180	719.529.931.961
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.10	2.151.551.038	2.151.551.038
1. Đầu tư vào công ty con	251		200.000.000	200.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.800.000.000	4.800.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.848.448.962)	(2.848.448.962)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		33.758.892.182	32.425.645.625
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	33.758.892.182	32.425.645.625
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.442.827.152.293	1.426.048.641.966

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		716.671.038.085	695.660.744.069
I. Nợ ngắn hạn	310		37.090.303.314	41.321.046.982
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	26.330.830.656	28.976.266.770
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	4.770.723.176	2.114.013.155
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	1.350.059.452	1.450.834.168
4. Phải trả người lao động	314		3.397.926.927	6.932.114.930
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		601.250.162	944.880.196
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	639.512.941	902.937.763
II. Nợ dài hạn	330		679.580.734.771	654.339.697.087
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.15	73.829.727.273	75.588.689.589
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.14	605.751.007.498	578.751.007.498
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		726.156.114.208	730.387.897.897
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	726.156.114.208	730.387.897.897
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		891.236.000.000	891.236.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		891.236.000.000	891.236.000.000
2. (Lỗ) lũy kế	421		(165.079.885.792)	(160.848.102.103)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(160.848.102.103)	(158.945.423.429)
- (Lỗ) kỳ này	421b		(4.231.783.689)	(1.902.678.674)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.442.827.152.293	1.426.048.641.966



Đào Phong Trúc Đại
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2023

Trịnh Văn Việt
Trưởng phòng Kế toán

Chu Thị Oanh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01	5.1	67.452.021.536	48.635.928.533
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	6.401.400
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		67.452.021.536	48.629.527.133
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	60.984.756.671	42.732.826.280
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		6.467.264.865	5.896.700.853
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		146.536.354	47.150.659
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.3	3.175.036.041	1.543.291.241
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	5.538.269.595	4.729.494.850
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.099.504.417)	(328.934.579)
11. Thu nhập khác	31		390.615.850	124.026.321
12. Chi phí khác	32		2.522.895.122	191.666.058
13. (Lỗ) khác	40		(2.132.279.272)	(67.639.737)
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế	50		(4.231.783.689)	(396.574.316)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.5	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.231.783.689)	(396.574.316)
18. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4	(47)	(4)
19. (Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.4	(47)	(4)



Đào Phong Trúc Đại
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2023

Trịnh Văn Việt
Trưởng phòng Kế toán

Chu Thị Oanh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. (Lỗ) trước thuế	01	5.5	(4.231.783.689)	(396.574.316)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		23.642.913.774	13.558.340.825
- Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05		1.886.414.898	(152.058.880)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.297.544.983	13.009.707.629
- Giảm các khoản phải thu	09		1.311.344.449	933.685.342
- (Tăng) hàng tồn kho	10		(2.305.092.032)	(6.191.367.507)
- (Giảm) các khoản phải trả	11		(2.601.706.481)	(5.140.831.574)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(609.241.506)	606.012.292
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.092.849.413	3.217.206.182
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(43.608.496.117)	(61.508.044.881)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (i)	26	6.1	27.000.000.000	60.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		146.536.354	47.150.659
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.461.959.763)	(1.460.894.222)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		630.889.650	1.756.311.960
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.1	34.522.053.403	27.131.100.500
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.1	35.152.943.053	28.887.412.460

(i) Đây là khoản tiền nhận vốn góp đầu tư hợp tác kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh 4.14 "Phải trả khác".



Đào Phong Trúc Đại
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2023

Trịnh Văn Việt
Trưởng phòng Kế toán

Chu Thị Oanh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư PV-INCONESS (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102294528 ngày 15/6/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó 11 lần với lần gần nhất vào ngày 12/4/2018 thay đổi về người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Anh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 891.236.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: Thôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 606 người (tại ngày 01/01/2023 là 592 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động của các cơ sở thể thao: Tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời, dịch vụ sân golf đạt tiêu chuẩn quốc tế;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội nghị, đám cưới, ...);
- Cho thuê xe có động cơ;

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2023, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty con				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Kinh doanh Thương mại Khánh Dương (*)	Số 424A, đường Bà Triệu, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn	100%	100%	100%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đồng Thái	Thôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình	48%	48%	48%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)

(*) Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Kinh doanh Thương mại Khánh Dương đang làm thủ tục giải thể theo Quyết định số 06-2/2013/QĐ-HĐQT ngày 20/5/2013 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư PV-INCONESS.

Do hoạt động của công ty con này bị hạn chế trong thời gian trên 12 tháng, ảnh hưởng đáng kể tới khả năng chuyển vốn cho công ty mẹ, dẫn đến quyền kiểm soát của công ty mẹ chỉ là tạm thời. Theo đó, Công ty không thực hiện hợp nhất công ty con này.

1.6 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 29/4/2023, Công ty đã khai trương và đưa vào sử dụng toàn bộ sân golf Hoàng Hậu, nâng tổng số hố khai thác ở cả sân golf Vua và sân golf Hoàng Hậu lên 36 hố. Do đó, doanh thu và giá vốn trong 06 tháng đầu năm 2023 tăng lên đáng kể.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng tồn kho này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí chủ yếu sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng;
- Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian 10 năm kể từ ngày Công ty chính thức đưa công trình “Trung tâm liên hợp du lịch và thể thao sân Golf 54 lỗ hồ Yên Thắng – Ninh Bình” đi vào hoạt động;
- Hoa hồng bán thẻ golf được Công ty phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng của thẻ golf;
- Các chi phí công cụ dụng cụ, chi phí đào tạo nhân viên và chi phí khác phát sinh trước khi đi vào hoạt động của dự án “Khu biệt thự Golf 3, 4” và chi phí công cụ dụng cụ phát sinh sau khi dự án đi vào hoạt động.

3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị quyết toán công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự xây dựng, tự sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 07
Tài sản cố định khác	05 – 10
Cây lâu năm	15 – 40

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.8 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

3.10 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Bên góp vốn ghi nhận tài sản đóng góp cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải thu khác; Bên nhận góp vốn ghi nhận tài sản các bên góp cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải trả khác.

3.11 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước từ bán thẻ golf được ghi nhận theo số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian sử dụng của thẻ golf.

3.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.14 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông tiềm năng dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.15 Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó.

3.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bán hàng; Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; Chi phí vật liệu, dụng cụ đồ dùng; Khấu hao TSCĐ; Chi phí hoa hồng bán hàng; Chi phí dịch vụ mua ngoài; Chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Thuế, phí, lệ phí; Lợi thế thương mại; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh. Trong kỳ, công ty đang hoạt động lỗ nên không phát sinh nghĩa vụ thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo mức thuế suất 10%.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Thuế tiêu thụ đặc biệt của các dịch vụ chơi golf do Công ty cung cấp theo mức thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESSThôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	916.650.860	1.245.431.940
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.061.830.001	33.110.457.271
Tiền đang chuyển	54.072.000	45.774.000
Các khoản tương đương tiền	7.120.390.192	120.390.192
Cộng	35.152.943.053	34.522.053.403

4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu bên liên quan	85.785.000	203.636.900
Công ty CP Tập đoàn Thành Công	84.495.000	-
Công ty TNHH TCG Land	1.290.000	-
Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp Việt Hưng	-	108.000.000
Công ty CP Dịch vụ và Hạ tầng Ô tô Thành Công	-	95.636.900
Phải thu bên thứ ba	7.434.244.819	12.786.230.097
Công ty TNHH Hoàng My	5.500.000.000	5.500.000.000
Công ty CP Thương mại Dịch vụ TCG	1.290.926.100	677.398.400
Công ty CP Xây dựng Thành công 3	-	5.592.472.724
Các khách hàng khác	643.318.719	1.016.358.973
Cộng	7.520.029.819	12.989.866.997



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước cho bên liên quan	6.737.054.325	2.207.204.993
Công ty CP Thiết bị điện - Điện tử Hyundai Thành Công Global	6.737.054.325	2.207.204.993
Trả trước cho bên thứ ba	42.649.813.716	56.081.196.398
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	17.051.296.160	17.051.296.160
Công ty CP Xây dựng Thương mại Việt Nam	6.419.600.000	6.419.600.000
Công ty CP Hợp tác sân Golf Quốc tế	6.129.383.422	6.129.383.422
Công ty TNHH Võ Trọng Nghĩa	2.381.672.725	2.381.672.725
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xây dựng Ngọc Bình	1.513.261.000	1.013.261.000
Công ty TNHH Xây dựng Lâm Phạm	-	11.973.970.012
Công ty TNHH Kinh doanh Xây dựng và Nội thất An Phú	37.735.021	2.381.323.975
Các nhà cung cấp khác	9.116.865.388	8.730.689.104
Cộng	49.386.868.041	58.288.401.391

4.4 Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu bên liên quan	296.383.544	-
Ông Đào Phong Trúc Đạ	296.383.544	-
Phải thu bên thứ ba	20.039.403.345	14.255.578.307
Ký cược, ký quỹ	4.600.000.000	300.000.000
- Ký quỹ thanh toán mua TSCĐ	4.300.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược khác (i)	300.000.000	300.000.000
Tạm ứng	11.014.609.272	9.520.133.906
Phải thu khác	4.424.794.073	4.435.444.401
- Bà Vũ Thị Chuyện (ii)	3.870.135.000	3.870.135.000
- Các đối tượng khác	554.659.073	565.309.401
Cộng	20.335.786.889	14.255.578.307

(i) Đây là khoản góp vốn của Nhà máy gạch, Niềm tin Việt và Xây dựng Hồng Hà trị giá 300 triệu VND làm tăng vốn góp của chủ sở hữu Công ty từ các năm trước. Hiện tại, Công ty không có thông tin và không xác nhận được với các cổ đông này.

(ii) Đây là khoản phải thu về chuyển nhượng 430.150 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư PV-INCONESS tại Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Đồng Thái cho bà Vũ Thị Chuyện theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 28/12/2010, thời hạn thanh toán là 36 tháng. Đến nay đã quá hạn nhưng bà Vũ Thị Chuyện vẫn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESSThôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)****4.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty TNHH Vật nuôi và Cây trồng Đồng Thái	362.240.210	362.240.210
Chi nhánh Công ty CP Dịch vụ Đường sắt Khu vực 1 tại Hà Nội	135.833.703	135.833.703
Ban Quản lý Dự án Thủy lợi tỉnh Ninh Bình	38.700.000	38.700.000
Công ty TNHH MTV Golf Đất mẹ	18.964.900	18.964.900
Các đối tượng khác	341.828.700	341.828.700
Cộng	897.567.513	897.567.513

4.6 Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.870.871.618	14.193.814.745
Công cụ, dụng cụ	1.149.943.529	1.264.557.423
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.711.123.165	2.218.095.649
Thành phẩm	84.689.494	87.111.200
Hàng hóa	3.730.186.337	3.614.792.152
Cộng	23.546.814.143	21.378.371.169

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESSThôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)****4.7 Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	168.284.988	201.014.777
Chi phí trả trước ngắn hạn Khu Villas	301.334.079	602.451.778
Chi phí trả trước ngắn hạn Golf 3,4 (iii)	45.648.876	116.976.640
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	211.238.361	214.552.391
	726.506.304	1.134.995.586
Dài hạn		
Lợi thế thương mại (i)	21.354.166.679	22.208.333.345
Hoa hồng bán thẻ golf (ii)	5.723.122.496	5.856.209.420
Chi phí trả trước dài hạn Golf 3,4 (iii)	1.022.460.217	1.383.252.701
Công cụ, dụng cụ	3.056.217.460	380.654.336
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.349.626.677	1.716.732.821
Chi phí trả trước dài hạn Khu Villas	859.571.081	459.269.141
Chi phí vườn ươm, sân tập, Khu 7,3 ha	260.919.545	203.599.663
Chi phí trả trước dài hạn phục vụ dự án	132.808.027	217.594.198
	33.758.892.182	32.425.645.625

(i) Đây là khoản lợi thế thương mại phát sinh khi Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ Doanh nghiệp và Tư vấn Đầu tư (Inconess) góp vốn vào Công ty theo Nghị quyết số 01/2018/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 28/01/2008 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư PV-INCONESS với giá trị lợi thế thương mại là 41 tỷ VND và chấp nhận thanh toán phần lợi thế thương mại này cho các cổ đông còn lại bằng cổ phiếu. Khoản lợi thế thương mại này được phân bổ trong thời gian 10 năm kể từ ngày Công ty chính thức đưa công trình "Trung tâm liên hợp du lịch và thể thao sân Golf 54 lỗ hồ Yên Thắng – Ninh Bình" đi vào hoạt động.

(ii) Hoa hồng bán thẻ golf phát sinh từ việc Công ty thanh toán theo tỷ lệ hoa hồng trên từng thẻ golf theo giá trị và thời gian của thẻ golf mà các cá nhân bán được.

(iii) Các chi phí công cụ dụng cụ, chi phí đào tạo nhân viên và chi phí khác phát sinh trước khi đi vào hoạt động của Khu biệt thự Golf 3, 4 và chi phí công cụ dụng cụ phát sinh sau khi dự án đi vào hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONNESS

Thôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIẾT TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm và TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2023	523.404.846.975	65.449.391.132	30.553.194.562	18.464.386.201	83.236.755.443	721.108.574.313
Mua sắm	-	31.480.272.122	399.509.091	34.636.364	-	31.914.417.577
XDCB hoàn thành (i)	454.583.867.197	-	-	-	-	454.583.867.197
Thanh lý, nhượng bán	(3.034.789.133)	-	-	-	-	(3.034.789.133)
Tại ngày 30/6/2023	974.953.925.039	96.929.663.254	30.952.703.653	18.499.022.565	83.236.755.443	1.204.572.069.954
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2023	127.410.570.003	35.039.864.010	19.439.238.300	9.094.812.569	28.535.835.153	219.520.320.035
Khấu hao	16.750.627.994	3.744.915.228	933.657.998	1.675.506.692	1.054.337.964	24.159.045.876
Thanh lý, nhượng bán	(1.209.144.543)	-	-	-	-	(1.209.144.543)
Tại ngày 30/6/2023	142.952.053.454	38.784.779.238	20.372.896.298	10.770.319.261	29.590.173.117	242.470.221.368
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2023	395.994.276.972	30.409.527.122	11.113.956.262	9.369.573.632	54.700.920.290	501.588.254.278
Tại ngày 30/6/2023	832.001.871.585	58.144.884.016	10.579.807.355	7.728.703.304	53.646.582.326	962.101.848.586

Tại ngày 30/6/2023, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 38.714.311.466 VND (tại ngày 01/01/2023 là 37.604.684.193 VND).

(i) Giá trị tài sản tăng trong kỳ chủ yếu là các công trình thuộc các Dự án Sân golf Hồ Yên Thắng: sân golf giai đoạn II (sân golf Hoàng Hậu bắt đầu khai trương đưa vào hoạt động 09 hồ còn lại từ 29/4/2023) và một số công trình khác bắt đầu đưa vào sử dụng 1/1/2023. Các tài sản này được tạm tăng theo giá trị tạm tính như được trình bày tại Thuyết minh 4.9 "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang".

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESSThôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Mua sắm tài sản cố định	7.010.063.664	-
Mua sắm 40 xe điện	7.007.092.005	-
Mua sắm TSCĐ khác	2.971.659	-
Xây dựng cơ bản dở dang	275.168.563.516	719.529.931.961
Dự án sân golf Giai đoạn I (i)	97.949.721.599	97.949.721.599
Dự án sân golf Giai đoạn II (i) (ii)	4.984.209.492	410.156.950.535
Khu biệt thự 12 ha (i)	54.817.571.288	50.732.766.045
Dự án Khu du lịch sinh thái hồ Đồng Thái (i)	38.987.881.265	38.611.895.895
Dự án Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh	33.834.536.346	33.834.536.346
Khu biệt thự Zone 2	13.509.313.184	13.050.361.198
Khu biệt thự Bến Thối	10.117.179.036	6.859.159.036
Chi phí Ban quản lý Dự án	13.464.992.153	12.367.890.777
Các công trình khác (ii)	7.503.159.153	55.966.650.530
Cộng	282.178.627.180	719.529.931.961

(i) Đây là các công trình thuộc Dự án sân golf Hồ Yên Thắng, trong đó công trình sân golf Giai đoạn II và Khu biệt thự 12 ha đã tiếp tục thi công trở lại và đưa vào sử dụng một phần từ năm 2020. Tuy nhiên, Công ty chưa quyết toán và cung cấp đủ hồ sơ đối với giai đoạn trước của các công trình này với tổng giá trị khoảng 245 tỷ VND (Trong đó, khoảng 62 tỷ VND thuộc công trình sân golf giai đoạn II (sân golf Hoàng Hậu) đã được ghi tạm tăng vào chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình").

(ii) Trong 06 tháng đầu năm 2023, Công trình sân golf giai đoạn II (sân golf Hoàng Hậu) và một số công trình khác đã được đưa vào sử dụng và tạm tăng Tài sản cố định hữu hình theo giá trị tạm tính.

4.10 Đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 30/6/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con Công ty TNHH XNK và KD TM Khánh Dương (i)	200.000.000	-	200.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đồng Thái (ii)	4.800.000.000	(2.848.448.962)	4.800.000.000	(2.848.448.962)
Cộng	5.000.000.000	(2.848.448.962)	5.000.000.000	(2.848.448.962)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESSThôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.10 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp)**

(i) Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Kinh doanh Thương mại Khánh Dương đang thực hiện thủ tục giải thể theo Quyết định số 06-2/2013/QĐ-HĐQT ngày 20/5/2013 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư PV-INCONESS. Đến thời điểm lập Báo cáo này, thủ tục giải thể Công ty con này vẫn chưa được hoàn thành. Tại ngày 30/6/2023, Công ty chưa được cung cấp được Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2023.

(ii) Tại ngày 30/6/2023, Công ty đang trích lập dự phòng khoản đầu tư theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đồng Thái chưa được kiểm toán do Công ty chưa được cung cấp Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2023.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn và quy định về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá.

4.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả bên liên quan	18.851.042.122	17.745.299.197
Công ty CP Thiết bị điện Hàm Long	18.750.679.122	17.719.379.197
Công ty CP Tập đoàn Thành Công	79.200.000	25.920.000
Công ty CP Dịch vụ và Hạ tầng Ô tô Thành Công	21.163.000	-
Phải trả bên thứ ba	7.479.788.534	11.230.967.573
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Đô thị KCN Cao su VN	942.335.972	942.335.972
Chi nhánh Công ty CP Quốc tế Phú Linh	842.847.501	1.685.720.401
Hợp tác xã Nông sản và Du lịch Tam Điệp	756.668.787	8.550.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng 835	715.832.025	810.763.429
Công ty CP Đầu tư và Công nghệ UK	-	2.318.420.817
Công ty CP Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất - Xây dựng - Trang trí Nội thất Le Ca De	-	612.628.536
Các đối tượng khác	4.222.104.249	4.852.548.418
Cộng	26.330.830.656	28.976.266.770

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Thôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)****4.12 Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2023		Trong kỳ		Tại ngày 30/6/2023	
	Số dư	VND	Tăng	Khấu trừ	Số dư	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	27.556.582.374		6.296.333.643	7.573.912.816	26.279.003.201	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	7.573.912.816	7.573.912.816	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	682.693.000	682.693.000	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	1.404.679.666	10.143.465.648	10.003.726.134	-	1.264.940.152
Thuế thu nhập cá nhân	-	41.542.801	258.199.953	281.441.282	-	64.784.130
Thuế nhà thầu	-	4.494.101	6.255.538	3.973.907	-	2.212.470
Thuế tài nguyên	-	117.600	595.200	714.000	-	236.400
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	23.886.486	41.772.786	-	17.886.300
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	1.450.834.168	18.692.008.641	18.591.233.925	-	1.350.059.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Bên liên quan trả tiền trước	2.448.951.000	-
Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp Việt Hưng	1.448.951.000	-
Công ty CP Du lịch Thương mại Cổ Loa	1.000.000.000	-
Bên thứ ba trả tiền trước	2.321.772.176	2.114.013.155
Công ty CP Xây dựng Thành Công 3	1.429.599.350	-
Công ty TNHH Phát triển Đầu tư và Thương mại A.I.P	263.495.593	420.219.541
Công ty CP Dịch vụ Đặt sân Golf Việt Nam	46.296.179	259.786.429
Công ty CP Truyền thông và Du lịch Phi	195.763.340	255.458.440
Công ty CP WinGolf	61.445.999	249.308.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Du lịch Hà Việt	38.273.500	233.268.500
Các khách hàng khác	286.898.215	695.972.245
Cộng	4.770.723.176	2.114.013.155

4.14 Phải trả khác

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Phải trả bên thứ ba	639.512.941	902.937.763
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	256.072.614
Kinh phí công đoàn	135.152.983	64.980.985
Phải trả bảo hiểm	59.493	56.403.193
Các khoản phải trả, phải nộp khác	504.300.465	525.480.971
Cộng	639.512.941	902.937.763
Dài hạn		
Phải trả bên liên quan	605.751.007.498	578.751.007.498
Công ty TNHH TCG Land (i)	605.751.007.498	578.751.007.498
Cộng	605.751.007.498	578.751.007.498

(i) Khoản phải trả Công ty TNHH TCG Land theo hợp đồng góp vốn hợp tác kinh doanh số 09A/2020/HĐNT/TCGL-PVIN ký ngày 02/8/2020 về việc hợp tác đầu tư xây dựng, khai thác và kinh doanh các dự án đầu tư mà Công ty là chủ đầu tư. Lợi nhuận được phân chia cụ thể đối với từng dự án sẽ được các bên quy định chi tiết tại các phụ lục được coi là một phần của hợp đồng này.

4.15 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Đây là tiền nhận được từ việc bán thẻ golf. Tại ngày 30/6/2023, giá trị doanh thu bán thẻ golf dài hạn là 73.829.727.273 VND (tại ngày 01/01/2023 giá trị doanh thu bán thẻ golf dài hạn là 75.588.689.589 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.16 Vốn chủ sở hữu

4.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu		Lũy kế	Cộng
	VND	VND		
Tại ngày 01/01/2022	891.236.000.000	(158.945.423.429)		732.290.576.571
(Lỗ) trong năm	-	(1.902.678.674)		(1.902.678.674)
Tại ngày 31/12/2022	891.236.000.000	(160.848.102.103)		730.387.897.897
Tại ngày 01/01/2023	891.236.000.000	(160.848.102.103)		730.387.897.897
(Lỗ) trong kỳ	-	(4.231.783.689)		(4.231.783.689)
Tại ngày 30/6/2023	891.236.000.000	(165.079.885.792)		726.156.114.208

4.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 30/6/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH TCG Land	668.676.000.000	75,0	668.676.000.000	75,0
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Vietinbank	165.754.470.000	18,6	165.754.470.000	18,6
Công đoàn Vietinbank	23.320.080.000	2,6	23.320.080.000	2,6
Các cổ đông khác	33.485.450.000	3,8	33.485.450.000	3,8
Cộng	891.236.000.000	100	891.236.000.000	100

4.16.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 30/6/2023	Tại ngày 01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	89.123.600	89.123.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	89.123.600	89.123.600
- Cổ phiếu phổ thông	89.123.600	89.123.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	89.123.600	89.123.600
- Cổ phiếu phổ thông	89.123.600	89.123.600
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.16 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

4.16.4(Lỗ) cơ bản và (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.231.783.689)	(396.574.316)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	89.123.600	89.123.600
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	(47)	(4)

Hiện tại, Công ty xác định chưa có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu bằng với (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu.

4.17 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

	Tại ngày 30/6/2023	Tại ngày 01/01/2023
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	262,76	262,76
- EUR	204,35	104,35

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu dịch vụ golf	51.777.592.983	37.357.767.973
Doanh thu nhà hàng	8.000.252.406	5.867.158.426
Doanh thu bán hàng hóa	2.149.081.628	1.674.414.291
Doanh thu phòng nghỉ	4.421.754.517	2.554.163.231
Doanh thu khác	1.103.340.002	1.182.424.612
Cộng	67.452.021.536	48.635.928.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn dịch vụ golf	41.562.490.340	29.954.730.825
Giá vốn nhà hàng	8.649.154.102	7.543.208.685
Giá vốn bán hàng hóa	1.449.080.579	1.096.252.039
Giá vốn phòng nghỉ	8.622.731.842	3.706.916.131
Các khoản giá vốn khác	701.299.808	431.718.600
Cộng	60.984.756.671	42.732.826.280

5.3 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	479.435.773	490.590.431
Chi phí nguyên vật liệu	76.425.058	32.395.387
Chi phí dụng cụ đồ dùng	16.950.763	67.104.683
Chi phí khấu hao tài sản	90.922.506	86.877.054
Chi phí hoa hồng bán hàng	2.077.785.181	754.245.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.010.498	-
Chi phí khác bằng tiền	347.506.262	112.078.070
Cộng	3.175.036.041	1.543.291.241

5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.346.414.899	1.904.610.954
Chi phí vật liệu văn phòng	263.698.729	204.896.603
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	12.232.578	155.576.303
Chi phí khấu hao tài sản	273.677.847	177.318.768
Lợi thế thương mại	854.166.666	854.166.666
Thuế và các khoản lệ phí	44.772.786	41.859.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	880.193.557	591.265.171
Chi phí khác bằng tiền	863.112.533	799.801.281
Cộng	5.538.269.595	4.729.494.850

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESSThôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**5.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong kỳ khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ kỳ trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và (lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
(Lỗ) kế toán trước thuế	(4.231.783.689)	(396.574.316)
Từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(4.231.783.689)	(396.574.316)
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	1.318.363.818	1.265.132.724
Chi phí không được trừ	1.318.363.818	1.265.132.724
(Lỗ)/lợi nhuận sau điều chỉnh	(2.913.419.871)	868.558.408
Lỗ tính thuế kỳ trước chuyển sang	-	(868.558.408)
Thu nhập tính thuế ước tính trong kỳ	-	-
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	-	-
Thuế TNDN phải nộp/(phải thu) đầu kỳ	-	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp/(phải thu) cuối kỳ	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.6 Lỗi chuyển sang từ kỳ trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 05 năm tính từ năm tiếp theo sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Chi tiết các khoản đã chuyển trong kỳ và các khoản lỗ tính thuế còn lại ước tính để chuyển lỗ như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Tình trạng kiểm tra thuế	Lỗ tính thuế (i) VND	Lỗ chưa sử dụng đến ngày 01/01/2023 VND	Chuyển lỗ trong kỳ VND	Không còn hiệu lực VND	Chưa sử dụng đến ngày 30/6/2023 VND
2018	2023	Đã QT	16.151.948.531	16.151.948.531	-	-	16.151.948.531
2019	2024	Đã QT	15.945.474.543	15.945.474.543	-	-	15.945.474.543
2020	2025	Đã QT	11.369.354.629	11.369.354.629	-	-	11.369.354.629
2021	2026	Đã QT	10.835.180.376	10.835.180.376	-	-	10.835.180.376
2023	2028	Chưa QT	2.913.419.871	-	-	-	2.913.419.871
Cộng lỗ tính thuế			57.215.377.950	54.301.958.079	-	-	57.215.377.950

(i) Lỗ tính thuế được ghi nhận theo biên bản quyết toán thuế hoặc theo tờ khai thuế của Công ty. Khoản lỗ thực tế có thể được mang sang để khấu trừ phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế địa phương.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho khoản lỗ tính thuế 57.215.377.950 VND được quyền chuyển sang kỳ sau do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

5.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nhân công	22.940.903.317	17.726.462.595
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.378.627.450	8.788.940.809
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	2.766.718.691	2.448.092.749
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.452.743.606	13.368.170.657
Thuế và các khoản lệ phí	45.486.786	41.859.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.889.698.797	4.048.688.488
Lợi thế thương mại	854.166.666	854.166.666
Chi phí hoa hồng bán hàng	2.077.785.181	754.245.616
Chi phí khác bằng tiền	1.782.537.623	974.985.687
Cộng	72.188.668.117	49.005.612.371

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESSThôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Thành Công	Công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH TCG Land	Công ty mẹ
Công ty TNHH Quê Việt - Quảng Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Thiết bị điện - Điện tử Hyundai Thành Công Global	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Dịch vụ và Hạ tầng Ô tô Thành Công	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Thiết bị điện Hàm Long	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Ô tô Thành Công Phạm Hùng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Du lịch Thương mại Cổ Loa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Ô tô Thành Công Quảng Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất Mủ cao su Lớp Kumho Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Liên doanh Ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Sản xuất Xây dựng Công nghệ Thành Công	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp Việt Hưng	Công ty cùng Tập đoàn
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	

Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch sau với bên liên quan:

Bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Công ty CP Tập đoàn Thành Công	75.987.878	3.888.889
Công ty TNHH TCG Land	299.776.135	-
Công ty TNHH Quê Việt - Quảng Nam	-	1.398.776.270
Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp Việt Hưng	7.034.545	-
Công ty CP Dịch vụ và Hạ tầng Ô tô Thành Công	38.324.243	10.363.349
Công ty CP Ô tô Thành Công Phạm Hùng	-	12.155.891
Công ty CP Ô tô Thành Công Quảng Ninh	17.750.000	63.951.986
Công ty TNHH Sản xuất Mủ cao su Lớp Kumho Việt Nam	17.345.757	12.248.148
Công ty CP Liên doanh Ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam	3.971.818	252.214.057
Cộng	460.190.376	1.753.598.590

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESSThôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)****Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)****Mua hàng hóa, dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Công ty CP Tập đoàn Thành Công	144.000.000	164.545.456
Công ty CP Thiết bị điện Hàm Long	769.215.636	-
Công ty CP Sản xuất Xây dựng Công nghệ Thành Công	1.632.587.140	-
Công ty CP Thiết bị điện - Điện tử Hyundai Thành Công Global	389.996.737	-
Công ty TNHH Quê Việt - Quảng Nam	29.267.993	-
Công ty CP Dịch vụ và Hạ tầng Ô tô Thành Công	19.239.091	-
Cộng	2.984.306.597	164.545.456

Giao dịch khác

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Công ty TNHH TCG Land Góp vốn hợp tác kinh doanh	27.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	27.000.000.000	60.000.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	30.000.000
Nguyễn Đình Vinh	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Lê Độ	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Nguyễn Toàn Thắng	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Nguyễn Anh Tú	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Đào Phong Trúc Đại	Tổng Giám đốc	452.811.707	429.465.555
Nguyễn Văn Tý	Trưởng ban Kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Bạch Quốc Vinh	Thành viên Ban Kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Tô Giang Nam	Thành viên Ban Kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Cộng		656.811.707	633.465.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)

Số dư với các bên liên quan

Chi tiết xem tại các thuyết minh:

- Thuyết minh số 4.2 “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”;
- Thuyết minh số 4.3 “Trả trước cho người bán ngắn hạn”;
- Thuyết minh số 4.4 “Phải thu ngắn hạn khác”;
- Thuyết minh số 4.10 “Đầu tư tài chính dài hạn”;
- Thuyết minh số 4.11 “Phải trả người bán ngắn hạn”;
- Thuyết minh số 4.13 “Người mua trả tiền trước ngắn hạn”;
- Thuyết minh số 4.14 “Phải trả khác”.

6.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2023 đã thông qua việc hủy tư cách công ty đại chúng của Công ty CP Đầu tư PV-INCONESS, hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư PV-INCONESS trên sàn UPCOM theo quy định và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục hủy đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục hủy đăng ký công ty đại chúng theo quy định.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023.

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.



Đào Phong Trúc Đại
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2023

Trịnh Văn Việt
Trưởng phòng Kế toán

Chu Thị Oanh
Người lập